

Bản án số: 71/2018/HSST.

Ngày: 29-03-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN CHÂU, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lương Tiến Hải

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Ngọc Lực + Ông Hà Ngọc Phương

- Thư ký phiên toà: Bà Lò Mai Xiêng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La tham gia phiên toà: Ông Lò Văn Thức - Kiểm sát viên.

Ngày 29-03- 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu mở phiên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 74/2018/HSST ngày 08-3-2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2018/QĐXXST-HS, ngày 15-3-2018 đối với các bị cáo:

1. Lò Văn T; Tên gọi khác: Không; Sinh năm : 1989 tại xã C, huyện T, tỉnh Sơn La; Nơi cư trú : Bản C, xã C, huyện T, tỉnh Sơn La; Dân tộc: Thái; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 7/12; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Con ông : Lò Văn D, sinh năm : 1968 và bà : Lò Thị B, sinh năm: 1971; Bị cáo có vợ : Quảng Thị T, sinh năm : 1991; Bị cáo có 2 con lớn 10 tuổi nhỏ 3 tuổi; Tiền sự : Không; Tiền án : Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 29-12-2017 cho đến nay có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Văn C; Tên gọi khác: Không; Sinh năm : 1987 tại xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; Nơi cư trú : Đội 12, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 5/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông : Nguyễn Văn C, sinh năm : 1958 và bà : Nguyễn Thị M, sinh năm: 1960; bị cáo chưa có vợ con; Tiền sự : Không; Tiền án : Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 29-12-2017 cho đến nay có mặt tại phiên tòa.

*** Nguyên đơn dân sự :** UBND xã T, huyện T do ông: **Thiệu Nam B-** Chủ tịch UBND xã là người đại diện theo pháp luật; Vắng mặt tại phiên tòa.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan :** Ông **Lò Văn D;** Sinh năm : 1968; Nơi cư trú : Bản C, xã C, huyện T, tỉnh Sơn La; Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 17 giờ 15 phút, ngày 28-12-2017 tổ công tác Ban Công an xã Thôm Mòn, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La làm nhiệm vụ tại cầu Nà Hày, xã Thôm Mòn, huyện Thuận Châu phát hiện, bắt quả tang Lò Văn T và Nguyễn Văn C có hành vi trộm cắp các thanh sắt dầm cầu Nà Hày mang đi tiêu thụ. Vật chứng thu giữ:

1. Một chiếc xe mô tô BKS: 26F5 – 6026, không rõ nhãn hiệu, không có cụm đèn trước, không có yếm đã qua sử dụng.
2. Một chiếc bao tải dứa màu vàng, có 01 dây đeo, bên trong có 12 chiếc ốc bu lông, loại phi 16, dài 7,5cm.
3. Một chiếc búa, quả búa bằng kim loại, kích thước 14 x 4,5 x 4,5 cm, cán bằng gỗ hình trụ dài 63 cm, đường kính 3cm.
4. Một chiếc búa, quả búa kích thước 12 x 3 x 3 cm, cán bằng gỗ, dài 31,5 cm, đường kính 3cm.
5. Một chiếc mỏ lết màu đen, đã hoen gỉ, nhãn hiệu FOGED STEEL, loại 300 mm.
6. Một chiếc cà lê màu trắng bạc, nhãn hiệu DROP FOGED, loại 30 – 32.
7. Sáu thanh sắt dầm cầu màu nâu đỏ, loại V7, dài 1,4m, thu giữ trên yên xe máy.

Cùng ngày, tại Cơ quan CSĐT Công an huyện Thuận Châu đã tiến hành cân tịnh 06 thanh kim loại V7 , màu sơn đỏ, chiều dài 1,4m có tổng trọng lượng là 75 kg. Ngày 29-12-2017 Công an huyện Thuận Châu đã trưng cầu Hội đồng định giá tài sản huyện Thuận Châu định giá 06 thanh sắt loại V7, màu sơn đỏ, có chiều dài 1,4m tổng trọng lượng 75 kg và 12 bộ ốc - bu lông loại phi 16 x 7,5 cm. Tại kết luận số 761/KL - HĐĐGTS : Kết luận: “ Tài sản bị trộm cắp là 06 thanh sắt V7 có tổng trọng lượng là 75 kg và 12 bộ ốc - bu lông loại phi 16 x 7,5cm có giá trị: 2.802.000 đồng”.

Tại Cơ quan CSĐT Công an huyện Thuận Châu, Lò Văn T và Nguyễn Văn C thừa nhận hành vi phạm tội của mình như sau:

Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 28-12-2017 Lò Văn T điều khiển xe mô tô BKS: 26F5 - 6026 chở theo Nguyễn Văn C là bạn cùng làm thợ xây với T từ bản Thắm, xã Tông Lạnh, huyện Thuận Châu về nhà T ở bản C, xã C, huyện T và có mang theo một túi làm bằng bao tải dứa màu vàng, bên trong chứa 02 chiếc búa, 01 chiếc cà lê, 01 chiếc mỏ lết. Khi về đến khu vực cầu Nà Hày thuộc xã Thôm Mòn, huyện Thuận Châu do không có tiền tiêu sài nên T đã rủ C đi tìm trộm cắp tài sản, C đồng ý, rồi Thành điều khiển xe mô tô chở C đi xuống cầu Nà Hày và dựng xe ở trên cầu, sau đó T và C cầm đồ mang theo đi xuống phía dưới gầm cầu và sử dụng cà lê và mỏ lết ra để vặn ốc bu lông, tháo các thanh xà thép giằng ở dưới gầm cầu ra. T và C tháo vặn ốc tháo đến khoảng 17 giờ cùng ngày thì tháo được 06 thanh

thép loại V7 và 12 chiếc bu - lông loại phi 16 x 7,5 cm. Sau khi trộm được cả hai mang những thanh thép tháo được cùng bu lông lên đường QL 6A để mang đi tiêu thụ thì bị tổ công tác Công an xã Thôm Mòn phát hiện, bắt quả tang và thu giữ cùng vật chứng nêu trên.

Quá trình điều tra xác định được cầu Nà Hày là di tích lịch sử đã được UBND tỉnh Sơn La cấp bằng xếp hạng cấp tỉnh và được UBND huyện Thuận Châu giao cho UBND xã Thôm Mòn kiểm tra và báo cáo kết quả quy hoạch, quản lý quy hoạch, quản lý đất đai khu di tích lịch sử cầu Nà Hày. Đề xuất giữ gìn, bảo vệ, quản lý di tích theo công văn số 944 ngày 14-7-2017 của UBND huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.

Bản cáo trạng số : 43/CT-VKS ngày 08-3-2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La đề nghị truy tố các bị cáo Lò Văn T và Nguyễn Văn C về tội Trộm cắp tài sản, theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu giữ quyền công tố luận tội, vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo Lò Văn T và Nguyễn Văn C về tội Trộm cắp tài sản. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Lò Văn T và Nguyễn Văn C phạm tội: Trộm cắp tài sản.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 53; khoản 1, 2 Điều 60 BLHS năm 1999; điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14, khoản 3 Điều 7 BLHS năm 2015:

Đề nghị xử phạt bị cáo Lò Văn T mức án từ 8 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là từ 16 đến 24 tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 29-3-2018).

Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C mức án từ 6 đến 9 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là từ 12 đến 18 tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 29-3-2018).

Giao bị cáo Lò Văn T cho UBND xã C, huyện T, tỉnh Sơn La giám sát và giáo dục. Gia đình bị cáo Lò Văn T có trách nhiệm phối hợp với UBND xã C, huyện T, tỉnh Sơn La giám sát và giáo dục bị cáo.

Giao bị cáo Nguyễn Văn C cho UBND xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên giám sát và giáo dục. Gia đình bị cáo Nguyễn Văn C có trách nhiệm phối hợp với UBND xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên giám sát và giáo dục bị cáo.

Trường hợp bị cáo Lò Văn T, Nguyễn Văn C thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Áp dụng khoản 4 Điều 328 BLTTHS năm 2015 : Tuyên trả tự do cho các bị cáo Lò Văn T, Nguyễn Văn C ngay tại phiên tòa nếu các bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo được quy định tại khoản 5 Điều 138 BLHS năm 1999.

Đề nghị tuyên trả cho ông Lò Văn D một chiếc xe mô tô BKS: 26F5 – 6026, không rõ nhãn hiệu, không có cụm đèn trước, không có yếm đã qua sử dụng;

Đề nghị tuyên tiêu hủy : Một chiếc bao tải dứa màu vàng, có 01 dây đeo; Một chiếc búa, quả búa bằng kim loại, kích thước 14 x 4,5 x 4,5 cm, cán bằng gỗ hình trụ dài 63 cm, đường kính 3cm; Một chiếc búa, quả búa kích thước 12 x 3 x 3cm, cán bằng gỗ, dài 31,5 cm, đường kính 3cm; Một chiếc mũ lết màu đen, đã hoen gỉ, nhãn hiệu FOGED STEEL, loại 300 mm; Một chiếc cà lê màu trắng bạc, nhãn hiệu DROP FOGED, loại 30 – 32.

Chấp nhận việc Cơ quan điều tra đã trả lại UBND xã T 06 thanh thép loại V7 và 12 chiếc bu - lông loại phi 16 x 7,5 cm. Nay UBND xã Thôm Mòn không yêu cầu đề nghị Lò Văn T và Nguyễn Văn C bồi thường gì mà yêu cầu xử lý theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ý kiến của các bị cáo: Nhất trí như luận tội của đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến bổ sung, các bị cáo đã nhận thức rõ về hành vi phạm tội của mình xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ cho các bị cáo được hưởng mức phạt tù nhưng cho hưởng án treo để các bị cáo sớm được trở lại cộng đồng xã hội.

Ý kiến của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lò Văn D : Nhất trí với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát, đề nghị Hội đồng xét xử cho ông xin lại chiếc xe máy để làm phương tiện đi lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Thuận Châu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Ngày 28-12-2017 Lò Văn T, Nguyễn Văn C đã có hành vi lén lút trộm cắp 06 thanh sắt, loại V7 có tổng trọng lượng là 75 kg và 12 bộ ốc - bu lông loại phi 16 x 7,5cm do UBND xã T quản lý có giá trị: 2.802.000 đồng.

[3] Xét về lời khai nhận của các bị cáo Lò Văn T, Nguyễn Văn C tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa ngày hôm nay đều thống nhất hoàn toàn phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của nguyên đơn dân sự và các tài liệu khác có trong hồ sơ. Các bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự. Trên cơ sở đó có

đầy đủ điều kiện, đủ căn cứ kết luận các bị cáo Lò Văn T, Nguyễn Văn C phạm tội: Trộm cắp tài sản, theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự 1999 như quan điểm truy tố và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.

Tại khoản 1, 5 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm”.

“5. Người phạm tội có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng”.

[4] Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo Lò Văn T, Nguyễn Văn C là nguy hiểm cho xã hội bởi: Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật nhưng vẫn phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của nhà nước, xâm phạm trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Do đó cần có mức án tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo mới đảm bảo được tính nghiêm minh của pháp luật, giáo dục trong công tác phòng chống tội phạm trong giai đoạn hiện nay.

[5] Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999. Các bị cáo đều sống ở vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn đều là lao động chính trong gia đình, bị cáo Lò Văn T có con còn nhỏ, bị cáo Nguyễn Văn C bố mẹ ốm đau bệnh tật đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999.

[6] Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 48 BLHS năm 1999.

[7] Xét vai trò của các bị cáo: Bị cáo Lò Văn T thực hiện hành vi phạm tội với vai trò là người rủ rê, chuẩn bị công cụ phương tiện tổ chức thực hiện. Bị cáo Nguyễn Văn C thực hiện hành vi phạm tội với vai trò đồng phạm là người giúp sức cùng thực hiện tội phạm cần vận dụng Điều 53 BLHS năm 1999 để cá thể hóa trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo.

[8] Xét đơn xin hưởng án treo của các bị cáo có xác nhận của chính quyền địa phương. Xét lời đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu và tại phiên tòa ngày hôm nay các bị cáo xin HĐXX được hưởng mức án phạt tù, nhưng cho hưởng án treo. HĐXX xét thấy các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng. Do vậy không cần cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội mà vẫn đảm bảo tính răn đe của pháp luật, thể hiện chính sách pháp luật nhân đạo, khoan hồng đối với người phạm tội. Giao các bị cáo cho UBND nơi cư trú của các bị cáo phối hợp với gia đình có trách nhiệm giám sát

giáo dục các bị cáo vận dụng khoản 1, 2 Điều 60 BLHS năm 1999. Trong trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

[9] Cần lên một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo mới đảm bảo tính răn đe và phòng ngừa chung trong việc đấu tranh với các loại tội phạm trong giai đoạn hiện nay nhất là các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng đồng thời thể hiện đường lối nghiêm trị kết hợp giáo dục cải tạo.

[10] Các bị cáo Lò Văn T, Nguyễn Văn C đang bị tạm giam xét thấy các bị cáo được xử phạt tù nhưng cho hưởng án treo cần tuyên bố trả tự do ngay tại phiên tòa cho các bị cáo nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác vận dụng khoản 4 Điều 328 BLTTHS năm 2015.

[11] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Chấp nhận việc Cơ quan điều tra đã trả lại 06 thanh sắt, loại V7 có tổng trọng lượng là 75 kg và 12 bộ ốc - bu lông loại phi 16 x 7,5cm cho UBND xã T và không có yêu cầu bồi thường gì khác. Do đó vấn đề bồi thường dân sự không đặt ra.

[12] Về vật chứng : Đối với 12 chiếc ốc bu lông, loại phi 16, dài 7,5 cm; 06 thanh sắt dầm cầu màu nâu đỏ, loại V7, dài 1,4m, thu giữ trên yên xe máy của các bị cáo. Quá trình điều tra số tài sản trên thuộc sở hữu hợp pháp của UBND xã T. Do vậy, việc Cơ quan CSĐT Công an huyện Thuận Châu ra quyết định xử lý vật chứng trao trả cho chủ sở hữu là có căn cứ.

Đối với một chiếc xe mô tô BKS: 26F5 – 6026, không rõ nhãn hiệu, không có cụm đèn trước, không có yếm đã qua sử dụng thu giữ của Lò Văn T. Quá trình điều tra đã xác định được chiếc xe trên là của ông Lò Văn D (bố đẻ bị cáo), việc Sử dụng chiếc xe máy trên để làm phương tiện trộm cắp tài sản ông Diên không biết, ông D có đơn xin lại xe nên Hội đồng xét xử trả lại chiếc xe máy trên cho chủ sở hữu theo đúng pháp luật.

Đối với vật chứng gồm : Một chiếc bao tải dứa màu vàng, có 01 dây đeo, loại phi 16, dài 7,5cm; Một chiếc búa, quả búa bằng kim loại, kích thước 14 x 4,5 x 4,5 cm, cán bằng gỗ hình trụ dài 63 cm, đường kính 3cm; Một chiếc búa, quả búa kích thước 12 x 3 x 3cm, cán bằng gỗ, dài 31,5 cm, đường kính 3cm; Một chiếc mỏ lết màu đen, đã hoen gỉ, nhãn hiệu FOGED STEEL, loại 300 mm; Một chiếc cà lê màu trắng bạc, nhãn hiệu DROP FOGED, loại 30 - 32 xét thấy là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội và không có giá trị sử dụng cần tuyên tịch thu tiêu hủy vận dụng Điều 106 BLTTHS năm 2015.

[13] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[14] Về quyền kháng cáo : Các bị cáo được kháng cáo bản án; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được kháng cáo bản án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn dân sự được kháng cáo bản án về phần bồi thường thiệt hại trong hạn 15 ngày kể từ

ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định tại các Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố các bị cáo Lò Văn T, Nguyễn Văn C phạm tội: Trộm cắp tài sản.

2. Về hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 53; khoản 1, 2 Điều 60 BLHS năm 1999; điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14, khoản 3 Điều 7 BLHS năm 2015:

Xử phạt bị cáo Lò Văn T 8 (tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 16 (mười sáu) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 29-3-2018).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C 6 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 29-3-2018).

Giao bị cáo Lò Văn Thành cho UBND xã C, huyện T, tỉnh Sơn La giám sát và giáo dục. Gia đình bị cáo Lò Văn T có trách nhiệm phối hợp với UBND xã C, huyện T, tỉnh Sơn La giám sát và giáo dục bị cáo.

Giao bị cáo Nguyễn Văn C cho UBND xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên giám sát và giáo dục. Gia đình bị cáo Nguyễn Văn C có trách nhiệm phối hợp với UBND xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên giám sát và giáo dục bị cáo.

Trường hợp bị cáo Lò Văn T, Nguyễn Văn C thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Áp dụng khoản 4 Điều 328 BLTTHS năm 2015 : Tuyên trả tự do cho các bị cáo Lò Văn T, Nguyễn Văn C ngay tại phiên tòa nếu các bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

3. Xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 :

+ Tuyên tịch thu tiêu hủy :

- Một chiếc bao tải dứa màu vàng, có 01 dây đeo.
- Một chiếc búa, quả búa bằng kim loại, kích thước 14 x 4,5 x 4,5 cm, cán bằng gỗ hình trụ dài 63 cm, đường kính 3cm.
- Một chiếc búa, quả búa kích thước 12 x 3 x 3 cm, cán bằng gỗ, dài 31,5 cm, đường kính 3cm.
- Một chiếc mỏ lết màu đen, đã hoen gỉ, nhãn hiệu FOGED STEEL, loại 300 mm.
- Một chiếc cà lê màu trắng bạc, nhãn hiệu DROP FOGED, loại 30 – 32.

+ Tuyên trả cho ông Lò Văn D : Một chiếc xe mô tô BKS: 26F5 - 6026, không rõ nhãn hiệu, không có cụm đèn trước, không có yếm đã qua sử dụng.

4. Án phí:

Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án : Các bị cáo Lò Văn T, Nguyễn Văn C phải chịu án phí hình sự sơ thẩm mỗi bị cáo là 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

5. Về quyền kháng cáo:

Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 :

Các bị cáo Lò Văn T, Nguyễn Văn C được kháng cáo bản án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lò Văn D được kháng cáo bản án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nguyên đơn dân sự UBND xã T được kháng cáo bản án về phần bồi thường thiệt hại trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Thuận Châu (02 bản);
- Sở Tư pháp tỉnh Sơn La;
- Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- CA huyện Thuận Châu;
- Chi cục THADS huyện Thuận Châu;
- UBND xã C, huyện T, tỉnh Sơn La;
- UBND xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên;
- Các bị cáo;
- NCQLNVLQ;
- Nguyên đơn dân sự;
- Lưu án văn;
- Lưu:Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lường Tiến Hải